

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2022

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 2 năm học 2022-2023 Hệ Chính quy

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
1		1060044	Bổ cục chất liệu lụa 1	FAE2007	2	150											4*FAE2007		
1.1	06	1060044	FAE2007-2022.06			15	Vũ Thị Kim Vân	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					20/03/2023	14/05/2023			2021
2.2	07	1060044	FAE2007-2022.07			15	Vũ Thị Kim Vân	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					20/03/2023	14/05/2023			2021
3.3	08	1060044	FAE2007-2022.08			15	Nguyễn Thị Trang Ngà	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					20/03/2023	14/05/2023			2021
4.4	09	1060044	FAE2007-2022.09			15	Nguyễn Thị Trang Ngà	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					20/03/2023	14/05/2023			2021
5.5	10	1060044	FAE2007-2022.10			15	Nguyễn Thị Hà Hoa				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
6.6	11	1060044	FAE2007-2022.11			15	Nguyễn Thị Hà Hoa				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
7.7	12	1060044	FAE2007-2022.12			15	Tạ Đình Thi				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
8.8	13	1060044	FAE2007-2022.13			15	Tạ Đình Thi				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
9.9	14	1060044	FAE2007-2022.14			15	Nguyễn Thị Huyền				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
10.10	15	1060044	FAE2007-2022.15			15	Nguyễn Thị Huyền				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
2		1080254	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	CLM2233	2	30											CTXH		
11.1	01	1080254	CLM2233-2022.01			30	Đỗ Thị Minh Nhâm		7-11, E502						09/01/2023	14/05/2023			2021
3		1190040	Chuyên đề	PIA2027	3	30											2020		
12.1	01	1190040	PIA2027-2022.01			30	Trần Vương Thanh					1-5, D4			09/01/2023	30/04/2023			2021
4		1080152	Chuyên đề (ĐVK)	CLM2094	1	60													
13.1	01	1080152	CLM2094-2022.01			60	Ng.Thuý Hường						7-11, CĐ		09/01/2023	14/05/2023			2021
5		1070110	Chuyển soạn cho Hợp xướng	MUS2074	2												2018		
14.1	10	1070110	MUS2074-2022.10			0	Phạm Hoàng Trung						1-5, D		20/02/2023				2021
15.2	11	1070110	MUS2074-2022.11			0	Phạm Hoàng Trung						7-11, D		20/02/2023				2021
6		1060019	Cơ sở tạo hình	FAE2056	2	160											2_SPMT_M3		
16.1	02	1060019	FAE2056-2022.02			40	Trang Tổ Uyên	7-11, E505							09/01/2023	16/04/2023			2021
17.2	03	1060019	FAE2056-2022.03			40	Trang Tổ Uyên		1-5, E505						09/01/2023	16/04/2023			2021
18.3	04	1060019	FAE2056-2022.04			40	Trang Tổ Uyên					7-11, EC21			09/01/2023	16/04/2023			2021
19.4	05	1060019	FAE2056-2022.05			40	Trang Tổ Uyên				1-5, E505				09/01/2023	16/04/2023			2021
7		1020016	Công nghệ may 2	FAD2010	2	95													
20.1	02	1020016	FAD2010-2022.02			45	Lưu Ngọc Lan		7-11, E						09/01/2023	02/04/2023			2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
21.2	03	1020016	FAD2010-2022.03			50	Nguyễn Kiều Oanh						1-5, E		09/01/2023	02/04/2023			2021
8		1080234	Công tác xã hội cá nhân	CLM2213	3	30											CTXH		
22.1	01	1080234	CLM2213-2022.01			30	Lương Thị Đào		1-3, E501						09/01/2023	14/05/2023			2021
9		1060099	Đại cương các loại hình nghệ thuật (SPMT)	FAE2092	2	160											2019		
23.1	02	1060099	FAE2092-2022.02			40	Đào Thị Thuý Anh			1-5, C21					09/01/2023	16/04/2023			2021
24.2	03	1060099	FAE2092-2022.03			40	Đào Thị Thuý Anh				1-5, C21				09/01/2023	16/04/2023			2021
25.3	04	1060099	FAE2092-2022.04			40	Nguyễn Minh Tân	1-5, C21							09/01/2023	16/04/2023			2021
26.4	05	1060099	FAE2092-2022.05			40	Nguyễn Thị Giang		7-11, C21						09/01/2023	16/04/2023			2021
10		1070111	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 2	MUS2067	2												2018		
27.1	06	1070111	MUS2067-2022.06			0	Lê Vinh Hưng						1-5, D		09/01/2023				2021
28.2	07	1070111	MUS2067-2022.07			0	Lê Vinh Hưng						7-11, D		09/01/2023				2021
11		1190012	Đệm thanh nhạc 2.2	PIA2008	1														
29.1	02	1190012	PIA2008-2022.02			0	Lại Thị Phương Thảo					1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
30.2	03	1190012	PIA2008-2022.03			0	Lê Hải Thuận		7-11, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
31.3	04	1190012	PIA2008-2022.04			0	Trần Quốc Thùy					7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
32.4	05	1190012	PIA2008-2022.05			0	Bùi Duy Anh	1-5, D							09/01/2023	30/04/2023			2021
33.5	06	1190012	PIA2008-2022.06			0	Nguyễn Kiều Anh		7-11, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
34.6	07	1190012	PIA2008-2022.07			0	Trần Quốc Thùy						1-5, D		09/01/2023	30/04/2023			2021
12		1060073	Điều khắc	FAE2054	2	150													
35.1	01	1060073	FAE2054-2022.01			15	Lê Thị Kim Liên	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/03/2023	14/05/2023			2021
36.2	02	1060073	FAE2054-2022.02			15	Lê Thị Kim Liên	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/03/2023	14/05/2023			2021
37.3	03	1060073	FAE2054-2022.03			15	Nguyễn Thị Giang	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/03/2023	14/05/2023			2021
38.4	04	1060073	FAE2054-2022.04			15	Nguyễn Thị Giang	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					20/03/2023	14/05/2023			2021
39.5	05	1060073	FAE2054-2022.05			15	Lê Thị Kim Liên				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
40.6	06	1060073	FAE2054-2022.06			15	Lê Thị Kim Liên				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
41.7	07	1060073	FAE2054-2022.07			15	Trang Tổ Uyên				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
42.8	08	1060073	FAE2054-2022.08			15	Trang Tổ Uyên				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
43.9	09	1060073	FAE2054-2022.09			15	Nguyễn Thị Giang				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
44.10	10	1060073	FAE2054-2022.10			15	Nguyễn Thị Giang				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		20/03/2023	14/05/2023			2021
13		1200014	Đồ họa công nghệ may	DGI2014	2	20													
45.1	01	1200014	DGI2014-2022.01			20	Bùi Thị Nam		1-5, E						09/01/2023	16/04/2023			2021
14		1140007	Giáo dục học	PPE2002	4	60											2* Tam_ly giao duc		

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
46.1	01	1140007	PPE2002-2022.01			60	Nguyễn Thị Duyên		1-5, E405						09/01/2023	25/06/2023			2021
15		1020042	Hình họa 4	FAD2053	2	112													
47.1	01	1020042	FAD2053-2022.01			14	Nguyễn Minh Thùy	9-10, BC	9-10, BC						09/01/2023	30/04/2023			2021
48.2	02	1020042	FAD2053-2022.02			14	Ngô Văn Sơn	9-10, BC	9-10, BC						09/01/2023	30/04/2023			2021
49.3	03	1020042	FAD2053-2022.03			14	Phạm Viết Minh Trí	9-10, BC	9-10, BC						09/01/2023	30/04/2023			2021
50.4	04	1020042	FAD2053-2022.04			14	Lê Mai Trinh	9-10, BC	9-10, BC						09/01/2023	30/04/2023			2021
51.5	05	1020042	FAD2053-2022.05			14	Nguyễn Minh Thùy				9-10, BC	9-10, BC			09/01/2023	30/04/2023			2021
52.6	06	1020042	FAD2053-2022.06			14	Phạm Viết Minh Trí				9-10, BC	9-10, BC			09/01/2023	30/04/2023			2021
53.7	07	1020042	FAD2053-2022.07			14	Ngô Văn Sơn				9-10, BC	9-10, BC			09/01/2023	30/04/2023			2021
54.8	08	1020042	FAD2053-2022.08			14	Vũ Thanh Nghị				9-10, BC	9-10, BC			09/01/2023	30/04/2023			2021
16		1060004	Hình họa 4	FAE2050	2	150											2018		
55.1	01	1060004	FAE2050-2022.01			15	Nguyễn Tú Anh	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					09/01/2023	19/03/2023			2021
56.2	02	1060004	FAE2050-2022.02			15	Nguyễn Tú Anh	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					09/01/2023	19/03/2023			2021
57.3	03	1060004	FAE2050-2022.03			15	Lê Thị Kim Liên	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					09/01/2023	19/03/2023			2021
58.4	04	1060004	FAE2050-2022.04			15	Lê Thị Kim Liên	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					09/01/2023	19/03/2023			2021
59.5	05	1060004	FAE2050-2022.05			15	Nguyễn Hoàng Tùng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
60.6	06	1060004	FAE2050-2022.06			15	Nguyễn Hoàng Tùng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
61.7	07	1060004	FAE2050-2022.07			15	Đinh Tiến Hiếu				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
62.8	08	1060004	FAE2050-2022.08			15	Đinh Tiến Hiếu				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
63.9	09	1060004	FAE2050-2022.09			15	Nguyễn Quang Minh				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
64.10	10	1060004	FAE2050-2022.10			15	Nguyễn Quang Minh				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
17		1170007	Hình họa màu nước	GRD2001	2	168											Hình họa nghiên cứu màu nước		
65.1	01	1170007	GRD2001-2022.01			21	Nguyễn Xuân Tám	9-10, A	9-10, A	9-10, A					30/01/2023	11/06/2023			2021
66.2	02	1170007	GRD2001-2022.02			21	Nguyễn Hữu Dũng	9-10, A	9-10, A	9-10, A					30/01/2023	11/06/2023			2021
67.3	03	1170007	GRD2001-2022.03			21	Nguyễn Thị Mỹ	9-10, A	9-10, A	9-10, A					30/01/2023	11/06/2023			2021
68.4	04	1170007	GRD2001-2022.04			21	Lê Đức Tùng	9-10, A	9-10, A	9-10, A					30/01/2023	11/06/2023			2021
69.5	05	1170007	GRD2001-2022.05			21	Ng.Duy Quốc Tuấn				9-10, A	9-10, A	9-10, A		30/01/2023	11/06/2023			2021
70.6	06	1170007	GRD2001-2022.06			21	Lê Đức Tùng				9-10, A	9-10, A	9-10, A		30/01/2023	11/06/2023			2021
71.7	07	1170007	GRD2001-2022.07			21	Nguyễn Hồng Sơn				9-10, A	9-10, A	9-10, A		30/01/2023	11/06/2023			2021
72.8	08	1170007	GRD2001-2022.08			21	Vũ Xuân Hiền				9-10, A	9-10, A	9-10, A		30/01/2023	11/06/2023			2021
18		1080095	Hình thể 3 (Múa)	CLM2061	3	60											DVK		
73.1	02	1080095	CLM2061-2022.02			30	Đinh Xuân Tùng		1-5, NA401				1-5, NA501		09/01/2023	14/05/2023			2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
74.2	03	1080095	CLM2061-2022.03			30	Đinh Xuân Tùng		7-11, NA401			7-11, NA501			09/01/2023	14/05/2023			2021
19		1070097	Hòa tấu	MUS2063	2												2018		
75.1	19	1070097	MUS2063-2022.19			0	Vũ Ngọc Sơn							13-17, D	20/02/2023				2021
76.2	20	1070097	MUS2063-2022.20			0	Phạm Hồng Phương							7-11, D	20/02/2023				2021
77.3	21	1070097	MUS2063-2022.21			0	Phạm Hồng Phương							7-11, D	20/02/2023				2021
20		1190020	Hòa tấu 2.2	PIA2012	1														
78.1	05	1190020	PIA2012-2022.05			0	Lê Nam					1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
79.2	06	1190020	PIA2012-2022.06			0	Nghiêm Thị Hà Ngân	7-11, D							09/01/2023	30/04/2023			2021
80.3	07	1190020	PIA2012-2022.07			0	Đoàn Lê Phan Anh					1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
81.4	08	1190020	PIA2012-2022.08			0	Phạm Hoàng Lê			1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
82.5	09	1190020	PIA2012-2022.09			0	Trần Hà Mi		7-11, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
83.6	10	1190020	PIA2012-2022.10			0	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-5, D							09/01/2023	30/04/2023			2021
84.7	11	1190020	PIA2012-2022.11			0	Nguyễn Kiều Anh					7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
21		1070117	Hòa thanh 2	MUS2023	2	360											4*MUS2023_2014		
85.1	01	1070117	MUS2023-2022.01			40	Phạm Thu Hường	1-5, DNN							09/01/2023	07/05/2023			2021
86.2	02	1070117	MUS2023-2022.02			40	Nguyễn Thị Thu Trang (B)	7-11, D305							09/01/2023	07/05/2023			2021
87.3	03	1070117	MUS2023-2022.03			40	Nguyễn Hồng Trang		1-5, D405						09/01/2023	07/05/2023			2021
88.4	04	1070117	MUS2023-2022.04			40	Nguyễn Hồng Trang		7-11, D405						09/01/2023	07/05/2023			2021
89.5	05	1070117	MUS2023-2022.05			40	Nguyễn Đức Linh			7-11, D404					09/01/2023	07/05/2023			2021
90.6	06	1070117	MUS2023-2022.06			40	Nguyễn Khải				1-5, D405				09/01/2023	07/05/2023			2021
91.7	07	1070117	MUS2023-2022.07			40	Nguyễn Thành Vinh				7-11, D304				09/01/2023	07/05/2023			2021
92.8	08	1070117	MUS2023-2022.08			40	Nguyễn Thành Vinh					1-5, D305			09/01/2023	07/05/2023			2021
93.9	09	1070117	MUS2023-2022.09			40	Phạm Thu Hường						1-5, DNN		09/01/2023	07/05/2023			2021
22		1190025	Hòa thanh trên đàn 1	PIA2015	2	30													
94.1	01	1190025	PIA2015-2022.01			30	Trần Vương Thanh			1-5, D4					09/01/2023	30/04/2023			2021
23		1070141	Keyboard/Guitar 2	*MUS2086	1														
95.1	01	1070141	*MUS2086-2022.01			0	Nguyễn Thị Thu Hường		9-10, C208						09/01/2023	07/05/2023			2021
96.2	02	1070141	*MUS2086-2022.02			0	Hà Tân Mùi		9-10, C210						09/01/2023	07/05/2023			2021
97.3	03	1070141	*MUS2086-2022.03			0	Phạm Huy Hùng		9-10, C310						09/01/2023	07/05/2023			2021
98.4	04	1070141	*MUS2086-2022.04			0	Phùng Thị Lan Hương		9-10, D101						09/01/2023	07/05/2023			2021
99.5	05	1070141	*MUS2086-2022.05			0	Đoàn Anh Vũ		9-10, D102						09/01/2023	07/05/2023			2021
100.6	06	1070141	*MUS2086-2022.06			0	Nguyễn Nguyệt Cẩm		9-10, D103 Gtar						09/01/2023	07/05/2023			2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
101.7	07	1070141	*MUS2086-2022.07			0	Đặng Thái Sơn		9-10, D107						09/01/2023	07/05/2023			2021
102.8	08	1070141	*MUS2086-2022.08			0	Bá Sán		9-10, D108						09/01/2023	07/05/2023			2021
103.9	09	1070141	*MUS2086-2022.09			0	Trần Quốc Thùy			9-10, C208					09/01/2023	07/05/2023			2021
104.10	10	1070141	*MUS2086-2022.10			0	Dương Vũ Bình Minh			9-10, C310					09/01/2023	07/05/2023			2021
105.11	11	1070141	*MUS2086-2022.11			0	Đào văn Kiên			9-10, D107					09/01/2023	07/05/2023			2021
106.12	12	1070141	*MUS2086-2022.12			0	Nguyễn Quang Tùng				3-4, C208 Gtar				09/01/2023	07/05/2023			2021
107.13	13	1070141	*MUS2086-2022.13			0	Bùi Duy Anh				3-4, C210				09/01/2023	07/05/2023			2021
108.14	14	1070141	*MUS2086-2022.14			0	Đào Văn Thực				3-4, C310				09/01/2023	07/05/2023			2021
109.15	15	1070141	*MUS2086-2022.15			0	Vũ Ngọc Sơn				3-4, D102				09/01/2023	07/05/2023			2021
110.16	16	1070141	*MUS2086-2022.16			0	Lương Đức Giang					3-4, D			09/01/2023	07/05/2023			2021
111.17	17	1070141	*MUS2086-2022.17			0	Lê Quốc Vương				3-4, D107				09/01/2023	07/05/2023			2021
112.18	18	1070141	*MUS2086-2022.18			0	Hoàng Thị Trà Mi				3-4, D108				09/01/2023	07/05/2023			2021
113.19	19	1070141	*MUS2086-2022.19			0	Bùi Thị Diệu Minh				9-10, C208				09/01/2023	07/05/2023			2021
114.20	20	1070141	*MUS2086-2022.20			0	Phạm Hồng Phương				9-10, D103 Gtar				09/01/2023	07/05/2023			2021
115.21	21	1070141	*MUS2086-2022.21			0	Hà Tân Mùi				9-10, D107				09/01/2023	07/05/2023			2021
116.22	22	1070141	*MUS2086-2022.22			0	Nguyễn Phương Ngọc				9-10, D				09/01/2023	07/05/2023			2021
117.23	23	1070141	*MUS2086-2022.23			0	Trần Bích Thủy				9-10, D				09/01/2023	07/05/2023			2021
118.24	24	1070141	*MUS2086-2022.24			0	Cù Minh Giang					9-10, C208			09/01/2023	07/05/2023			2021
119.25	25	1070141	*MUS2086-2022.25			0	Dương Vũ Bình Minh					9-10, C210			09/01/2023	07/05/2023			2021
120.26	26	1070141	*MUS2086-2022.26			0	Vũ Thanh Xuân					9-10, C310			09/01/2023	07/05/2023			2021
121.27	27	1070141	*MUS2086-2022.27			0	Trần Bích Thủy					9-10, D101			09/01/2023	07/05/2023			2021
122.28	28	1070141	*MUS2086-2022.28			0	Bùi Thị Diệu Minh					9-10, D103			09/01/2023	07/05/2023			2021
123.29	29	1070141	*MUS2086-2022.29			0	Lương Diệu Ánh					9-10, D107			09/01/2023	07/05/2023			2021
124.30	30	1070141	*MUS2086-2022.30			0	Ngô Thị Việt Anh					9-10, D108			09/01/2023	07/05/2023			2021
125.31	31	1070141	*MUS2086-2022.31			0	Đào văn Kiên					9-10, D			09/01/2023	07/05/2023			2021
126.32	32	1070141	*MUS2086-2022.32			0	Bá Sán				3-4, D				09/01/2023	07/05/2023			2021
24		1140030	Kỹ năng giao tiếp	PPE2022	2	30											1*		
127.1	01	1140030	PPE2022-2022.01			30	Nguyễn Hương Giang		4-6, E501						09/01/2023	07/05/2023			2021
25		1080098	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 3	CLM2064	3	60													
128.1	01	1080098	CLM2064-2022.01			30	Kiều Minh Hiếu				1-5, NA401		7-11, NA401		09/01/2023	14/05/2023			2021
129.2	02	1080098	CLM2064-2022.02			30	Kiều Minh Hiếu	1-5, NA401		1-5, NA401					09/01/2023	14/05/2023			2021
26		1100046	Kỹ thuật diễn viên	VMU2010	2	80											4_TN_M4		

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
130.1	01	1100046	VMU2010-2022.01			50	Ng.Thuý Hường				7-9, D4				09/01/2023	07/05/2023			2021
131.2	02	1100046	VMU2010-2022.02			30	Ng.Thuý Hường				10-12, D4				09/01/2023	07/05/2023			2021
27		1070026	Kỹ xưởng âm 4	MUS2020	2	323											4* MUS2020		
132.1	04	1070026	MUS2020-2022.04			19	Nguyễn Hồng Trang	1-5, D204							09/01/2023	30/04/2023			2021
133.2	05	1070026	MUS2020-2022.05			19	Vũ Thị Kim Thu	1-5, D405							09/01/2023	30/04/2023			2021
134.3	06	1070026	MUS2020-2022.06			19	Mai Linh Chi	7-11, D406							09/01/2023	30/04/2023			2021
135.4	07	1070026	MUS2020-2022.07			19	Trần Thị Thanh Hương		1-5, D406						09/01/2023	30/04/2023			2021
136.5	08	1070026	MUS2020-2022.08			19	Mai Linh Chi		7-11, D204						09/01/2023	30/04/2023			2021
137.6	09	1070026	MUS2020-2022.09			19	Nguyễn Thị Lệ Huyền			1-5, D204					09/01/2023	30/04/2023			2021
138.7	10	1070026	MUS2020-2022.10			19	Khuất Duy Nhã			1-5, D406					09/01/2023	30/04/2023			2021
139.8	11	1070026	MUS2020-2022.11			19	Ng.Thuý Hường			7-11, D204					09/01/2023	30/04/2023			2021
140.9	12	1070026	MUS2020-2022.12			19	Nguyễn Hồng Trang				1-5, D204				09/01/2023	30/04/2023			2021
141.10	13	1070026	MUS2020-2022.13			19	Trần Thị Thanh Hương				7-11, D406				09/01/2023	30/04/2023			2021
142.11	14	1070026	MUS2020-2022.14			19	Khuất Duy Nhã				7-11, D204				09/01/2023	30/04/2023			2021
143.12	15	1070026	MUS2020-2022.15			19	Phạm Thu Hường					1-5, D406			09/01/2023	30/04/2023			2021
144.13	16	1070026	MUS2020-2022.16			19	Nguyễn Đức Linh					1-5, D204			09/01/2023	30/04/2023			2021
145.14	17	1070026	MUS2020-2022.17			19	Ng.Thị Thu Trang (A)					7-11, D406			09/01/2023	30/04/2023			2021
146.15	18	1070026	MUS2020-2022.18			19	Nguyễn Hồng Trang						1-5, D204		09/01/2023	30/04/2023			2021
147.16	19	1070026	MUS2020-2022.19			19	Nguyễn Thị Phương Mai						1-5, D406		09/01/2023	30/04/2023			2021
148.17	20	1070026	MUS2020-2022.20			19	Nguyễn Đức Linh				1-5, D2				09/01/2023	30/04/2023			2021
28		1070104	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	MUS2061	2	320											2018		
149.1	02	1070104	MUS2061-2022.02			40	Nghiêm Hồng Hà	7-11, Online							09/01/2023	07/05/2023			2021
150.2	03	1070104	MUS2061-2022.03			40	Đoàn Thị Thu Hà		1-5, Online						09/01/2023	07/05/2023			2021
151.3	04	1070104	MUS2061-2022.04			40	Trần Thị Thanh Hương		7-11, Online						09/01/2023	07/05/2023			2021
152.4	05	1070104	MUS2061-2022.05			40	Đoàn Thị Thu Hà			1-5, Online					09/01/2023	07/05/2023			2021
153.5	06	1070104	MUS2061-2022.06			40	Vũ Thị Kim Thu				1-5, Online				09/01/2023	07/05/2023			2021
154.6	07	1070104	MUS2061-2022.07			40	Đoàn Thị Thu Hà				7-11, Online				09/01/2023	07/05/2023			2021
155.7	08	1070104	MUS2061-2022.08			40	Đoàn Thị Thu Hà					1-5, Online			09/01/2023	07/05/2023			2021
156.8	09	1070104	MUS2061-2022.09			40	Vũ Thị Kim Thu					7-11, Online			09/01/2023	07/05/2023			2021
29		1020025	Lịch sử trang phục Việt Nam và thế giới	FAD2017	2	90													
157.1	01	1020025	FAD2017-2022.01			45	Lê Phương Anh					1-5, E			09/01/2023	02/04/2023			2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
158.2	02	1020025	FAD2017-2022.02			45	Đỗ Thu Huyền					1-5, E			09/01/2023	02/04/2023			2021
30		1080008	Lịch sử văn minh thế giới	CLM2004	2	80											1_QLVH_M2_TC		
159.1	01	1080008	CLM2004-2022.01			80	Vũ Thị Thái Hoa				7-9, E503				09/01/2023	14/05/2023			2021
31		1060109	Mỹ thuật học	FAE2096	2	160											2019		
160.1	01	1060109	FAE2096-2022.01			40	Nguyễn Thị Giang			7-11, E505					09/01/2023	19/03/2023			2021
161.2	02	1060109	FAE2096-2022.02			40	Nguyễn Thị Giang						7-11, E505		09/01/2023	19/03/2023			2021
162.3	03	1060109	FAE2096-2022.03			40	Nguyễn Thị Giang				7-11, E505				09/01/2023	19/03/2023			2021
163.4	04	1060109	FAE2096-2022.04			40	Nguyễn Thị Giang					1-5, C21			09/01/2023	19/03/2023			2021
32		1170065	Nghệ thuật chữ	GRD2057	3	160											2020		
164.1	01	1170065	GRD2057-2022.01			40	Ng.Hoài Phương Anh			1-5, E602					09/01/2023	07/05/2023			2021
165.2	02	1170065	GRD2057-2022.02			40	Lò Mai Trang			1-5, E601					09/01/2023	07/05/2023			2021
166.3	03	1170065	GRD2057-2022.03			40	Lò Mai Trang						1-5, E602		09/01/2023	07/05/2023			2021
167.4	04	1170065	GRD2057-2022.04			40	Trần Thanh Nga						1-5, E601		09/01/2023	07/05/2023			2021
33		1080042	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức HĐ tập thể	CLM2043	2	80											7_QLVH_M4_TC		
168.1	01	1080042	CLM2043-2022.01			80	Ng.Thị Thanh Mai			10-12, E501					09/01/2023	14/05/2023			2021
34		1080245	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể trong công tác xã hội	CLM2224	2	30											CTXH		
169.1	01	1080245	CLM2224-2022.01			30	Ng.Thị Thanh Mai	4-6, E502							09/01/2023	14/05/2023			2021
35		1170064	Nghệ thuật nhiếp ảnh	GRD2058	3	175											2020		
170.1	01	1170064	GRD2058-2022.01			35	Vũ Minh Hoàng			1-5, E605					09/01/2023	07/05/2023			2021
171.2	02	1170064	GRD2058-2022.02			35	Nguyễn Quang Huy			7-11, E605					09/01/2023	07/05/2023			2021
172.3	03	1170064	GRD2058-2022.03			35	Nguyễn Văn Hiến			7-11, E605					09/01/2023	07/05/2023			2021
173.4	04	1170064	GRD2058-2022.04			35	Nguyễn Quang Huy						1-5, E605		09/01/2023	07/05/2023			2021
174.5	05	1170064	GRD2058-2022.05			35	Nguyễn Quang Huy						7-11, E605		09/01/2023	07/05/2023			2021
36		1060058	Nghệ thuật thiết kế	FAE2018	2	150											1*FAE2018		
175.1	01	1060058	FAE2018-2022.01			15	Nguyễn Tuấn Cường	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					09/01/2023	19/03/2023			2021
176.2	02	1060058	FAE2018-2022.02			15	Nguyễn Tuấn Cường	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					09/01/2023	19/03/2023			2021
177.3	03	1060058	FAE2018-2022.03			15	Nguyễn Quang Huy	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					09/01/2023	19/03/2023			2021
178.4	04	1060058	FAE2018-2022.04			15	Nguyễn Quang Huy	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					09/01/2023	19/03/2023			2021
179.5	05	1060058	FAE2018-2022.05			15	Vũ Thị Kim Vân				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
180.6	06	1060058	FAE2018-2022.06			15	Chu Thị Hương Thu				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
181.7	07	1060058	FAE2018-2022.07			15	Nguyễn Thị Trang Ngà				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
182.8	08	1060058	FAE2018-2022.08			15	Vũ Thị Kim Vân				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
183.9	09	1060058	FAE2018-2022.09			15	Nguyễn Thị Huyền				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
184.10	10	1060058	FAE2018-2022.10			15	Nguyễn Thị Huyền				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		09/01/2023	19/03/2023			2021
37		1070094	Nhạc cụ tự chọn	*MUS2064	2												2018		
185.1	01	1070094	*MUS2064-2022.01			0	Nguyễn Quang Tùng	1-3, C Guitar							09/01/2023	07/05/2023			2021
186.2	02	1070094	*MUS2064-2022.02			0	Nguyễn Quang Tùng	4-6, C Guitar							09/01/2023	07/05/2023			2021
187.3	03	1070094	*MUS2064-2022.03			0	Nguyễn Nguyệt Cầm	7-9, C Guitar							09/01/2023	07/05/2023			2021
188.4	04	1070094	*MUS2064-2022.04			0	Nguyễn Nguyệt Cầm	10-12, C Guitar							09/01/2023	07/05/2023			2021
189.5	05	1070094	*MUS2064-2022.05			0	Nguyễn Quang Tùng		1-3, C Guitar						09/01/2023	07/05/2023			2021
190.6	06	1070094	*MUS2064-2022.06			0	Nguyễn Quang Tùng		4-6, C Guitar						09/01/2023	07/05/2023			2021
191.7	07	1070094	*MUS2064-2022.07			0	Khuất Duy Nhã		7-9, C Drum						09/01/2023	07/05/2023			2021
192.8	08	1070094	*MUS2064-2022.08			0	Khuất Duy Nhã		10-12, C Drum						09/01/2023	07/05/2023			2021
193.9	09	1070094	*MUS2064-2022.09			0	Nguyễn Nguyệt Cầm			7-9, C Guitar					09/01/2023	07/05/2023			2021
194.10	10	1070094	*MUS2064-2022.10			0	Nguyễn Nguyệt Cầm			10-12, C Guitar					09/01/2023	07/05/2023			2021
195.11	11	1070094	*MUS2064-2022.11			0	Bùi Thị Diệu Minh				1-3, C Recoder				09/01/2023	07/05/2023			2021
196.12	12	1070094	*MUS2064-2022.12			0	Đào Văn Thực					1-3, C Recoder			09/01/2023	07/05/2023			2021
197.13	13	1070094	*MUS2064-2022.13			0	Hà Tân Mùi					7-9, C Recoder			09/01/2023	07/05/2023			2021
198.14	14	1070094	*MUS2064-2022.14			0	Hà Tân Mùi					10-12, C Recoder			09/01/2023	07/05/2023			2021
199.15	15	1070094	*MUS2064-2022.15			0	Nguyễn Quang Tùng						1-3, C Guitar		09/01/2023	07/05/2023			2021
200.16	16	1070094	*MUS2064-2022.16			0	Nguyễn Quang Tùng						4-6, C Guitar		09/01/2023	07/05/2023			2021
201.17	17	1070094	*MUS2064-2022.17			0	Đào Văn Thực					7-9, C			09/01/2023	07/05/2023			2021
202.18	18	1070094	*MUS2064-2022.18			0	Đào Văn Thực					10-12, C			09/01/2023	07/05/2023			2021
38		1070027	Phân tích tác phẩm 1	MUS2024	2	360											4*MUS2024		
203.1	01	1070027	MUS2024-2022.01			40	Trần Thị Thanh Hương	1-5, D305							09/01/2023	07/05/2023			2021
204.2	02	1070027	MUS2024-2022.02			40	Nguyễn Thành Vinh	7-11, D405							09/01/2023	07/05/2023			2021
205.3	03	1070027	MUS2024-2022.03			40	Nguyễn Thành Vinh		1-5, D305						09/01/2023	07/05/2023			2021
206.4	04	1070027	MUS2024-2022.04			40	Phạm Thu Hường		7-11, D305						09/01/2023	07/05/2023			2021
207.5	05	1070027	MUS2024-2022.05			40	Trần Thị Thanh Hương			1-5, D305					09/01/2023	07/05/2023			2021
208.6	06	1070027	MUS2024-2022.06			40	Nguyễn Thành Vinh			7-11, D305					09/01/2023	07/05/2023			2021
209.7	07	1070027	MUS2024-2022.07			40	Nguyễn Thành Vinh				1-5, D305				09/01/2023	07/05/2023			2021
210.8	08	1070027	MUS2024-2022.08			40	Phạm Thu Hường				7-11, D305				09/01/2023	07/05/2023			2021
211.9	09	1070027	MUS2024-2022.09			40	Nguyễn Thị Thu Trang (B)					7-11, D305			09/01/2023	07/05/2023			2021
39		1080183	Pháp luật du lịch	CLM2107	2	50											DL		

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
212.1	01	1080183	CLM2107-2022.01			50	Võ Hồng Nhung		10-12, E503						09/01/2023	07/05/2023			2021
40		1070073	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2065	3	315											2018		
213.1	01	1070073	MUS2065-2022.01			35	Mai Linh Chi	1-5, D304							09/01/2023	07/05/2023			2021
214.2	02	1070073	MUS2065-2022.02			35	Mai Linh Chi		1-5, D304						09/01/2023	07/05/2023			2021
215.3	03	1070073	MUS2065-2022.03			35	Nguyễn Thị Phương Mai			1-5, D304					09/01/2023	07/05/2023			2021
216.4	04	1070073	MUS2065-2022.04			35	Nguyễn Thị Phương Mai			7-11, D1					09/01/2023	07/05/2023			2021
217.5	05	1070073	MUS2065-2022.05			35	Đoàn Thị Thu Hà				1-5, D304				09/01/2023	07/05/2023			2021
218.6	06	1070073	MUS2065-2022.06			35	Nguyễn Thị Tố Mai				7-11, E306				09/01/2023	07/05/2023			2021
219.7	07	1070073	MUS2065-2022.07			35	Nguyễn Thị Lệ Huyền					1-5, D304			09/01/2023	07/05/2023			2021
220.8	08	1070073	MUS2065-2022.08			35	Trần Vĩnh Khương					7-11, D1			09/01/2023	07/05/2023			2021
221.9	09	1070073	MUS2065-2022.09			35	Trần Vĩnh Khương						7-11, D1		09/01/2023	07/05/2023			2021
41		1060108	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 2	FAE2095	2	120											2019		
222.1	01	1060108	FAE2095-2022.01			40	Trần Thị Vân				7-11, E506				09/01/2023	16/04/2023			2021
223.2	02	1060108	FAE2095-2022.02			40	Trần Thị Vân					7-11, E506			09/01/2023	16/04/2023			2021
224.3	03	1060108	FAE2095-2022.03			40	Trần Thị Vân						1-5, E506		09/01/2023	16/04/2023			2021
42		1190004	Piano CN 2.2	PIA2004	2														
225.1	06	1190004	PIA2004-2022.06			0	Đinh Công Hải	1-5, D		1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
226.2	07	1190004	PIA2004-2022.07			0	Lê Nam		7-11, D			7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
227.3	08	1190004	PIA2004-2022.08			0	Lại Thị Phương Thảo	7-11, D			7-11, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
228.4	09	1190004	PIA2004-2022.09			0	Nghiêm Thị Hà Ngân	1-5, D		1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
229.5	10	1190004	PIA2004-2022.10			0	Phạm Hoàng Lê		1-5, D		1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
230.6	11	1190004	PIA2004-2022.11			0	Đoàn Lê Phan Anh		1-5, D		1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
231.7	12	1190004	PIA2004-2022.12			0	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-5, D		1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
232.8	13	1190004	PIA2004-2022.13			0	Trần Hà Mi		1-5, D			1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
233.9	14	1190004	PIA2004-2022.14			0	Đinh Công Hải	1-5, D		1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
234.10	15	1190004	PIA2004-2022.15			0	Nguyễn Kiều Anh		1-5, D			1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
235.11	16	1190004	PIA2004-2022.16			0	Đoàn Lê Phan Anh		1-5, D		1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
236.12	17	1190004	PIA2004-2022.17			0	Trần Hà Mi		1-5, D			1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
237.13	18	1190004	PIA2004-2022.18			0	Lê Hải Thuận		1-5, D		1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
43		1080026	Quản lý hoạt động biểu diễn	CLM2023	2	80											4_QLVH_M4		
238.1	01	1080026	CLM2023-2022.01			80	Lý Minh Huệ				10-12, E503				09/01/2023	14/05/2023			2021
44		1080025	Quản lý hoạt động quảng cáo	CLM2022	2	80											4_QLVH_M4		

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
239.1	01	1080025	CLM2022-2022.01			80	Nguyễn Thị Phương Thanh					10-12, E501			09/01/2023	14/05/2023			2021
45		1080021	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 2	CLM2018	3	80											4_QLVH_M4		
240.1	01	1080021	CLM2018-2022.01			80	Đào Thị Thùy Tiên					7-9, E501			09/01/2023	14/05/2023			2021
46		1080194	Quản trị khách sạn	CLM2118	2	50											DL		
241.1	01	1080194	CLM2118-2022.01			50	Nguyễn Thị Thùy Linh	7-9, E503							09/01/2023	14/05/2023			2021
47		1080193	Quản trị kinh doanh lữ hành	CLM2117	3	50											DL		
242.1	01	1080193	CLM2117-2022.01			50	Võ Hồng Nhung	10-12, E503							09/01/2023	14/05/2023			2021
48		1080119	Quy trình sản xuất film	CLM2081	2	60													
243.1	01	1080119	CLM2081-2022.01			30	Bùi Thị Phương Thảo	1-3, E502							06/02/2023	14/05/2023			2021
244.2	02	1080119	CLM2081-2022.02			30	Bùi Thị Phương Thảo	10-12, E501							06/02/2023	14/05/2023			2021
49		1170029	Sáng tác thiết kế 4	GRD2026	3	165											4_TKĐH_TH		
245.1	01	1170029	GRD2026-2022.01			15	Nguyễn Đức Lân	1-5, E601	1-5, E601						09/01/2023	11/06/2023			2021
246.2	02	1170029	GRD2026-2022.02			15	Nguyễn Mai Thơ	1-5, E601	1-5, E601						09/01/2023	11/06/2023			2021
247.3	03	1170029	GRD2026-2022.03			15	Nông Thị Thu Trang	1-5, E601	1-5, E601						09/01/2023	11/06/2023			2021
248.4	04	1170029	GRD2026-2022.04			15	Phạm Minh Phong	7-8, E601:11-12, E601	7-8, E601:11-12, E601						09/01/2023	11/06/2023			2021
249.5	05	1170029	GRD2026-2022.05			15	Nông Thị Thu Trang	7-8, E601:11-12, E601	7-8, E601:11-12, E601						09/01/2023	11/06/2023			2021
250.6	06	1170029	GRD2026-2022.06			15	Nguyễn Đức Lân	7-8, E601:11-12, E601	7-8, E601:11-12, E601						09/01/2023	11/06/2023			2021
251.7	07	1170029	GRD2026-2022.07			15	Nguyễn Mai Thơ				1-5, E601	1-5, E601			09/01/2023	11/06/2023			2021
252.8	08	1170029	GRD2026-2022.08			15	Nông Thị Thu Trang				1-5, E601	1-5, E601			09/01/2023	11/06/2023			2021
253.9	09	1170029	GRD2026-2022.09			15	Phạm Minh Phong				1-5, E601	1-5, E601			09/01/2023	11/06/2023			2021
254.10	10	1170029	GRD2026-2022.10			15	Nông Thị Thu Trang				7-8, E601:11-12, E601	7-8, E601:11-12, E601			09/01/2023	11/06/2023			2021
255.11	11	1170029	GRD2026-2022.11			15	Nguyễn Đức Lân				7-8, E601:11-12, E601	7-8, E601:11-12, E601			09/01/2023	11/06/2023			2021
50		1020030	Tạo mẫu trang phục 3	FAD2026	3	98													
256.1	01	1020030	FAD2026-2022.01			14	Hoàng Thị Oanh	7-11, E							09/01/2023	30/04/2023			2021
257.2	02	1020030	FAD2026-2022.02			14	Ng. Thị Bích Liên	7-11, E							09/01/2023	30/04/2023			2021
258.3	03	1020030	FAD2026-2022.03			14	Lê Nguyễn Kiều Trang	7-11, E							09/01/2023	30/04/2023			2021
259.4	04	1020030	FAD2026-2022.04			14	Hoàng Thị Oanh					7-11, E			09/01/2023	30/04/2023			2021
260.5	05	1020030	FAD2026-2022.05			14	Ng. Thị Bích Liên					7-11, E			09/01/2023	30/04/2023			2021
261.6	06	1020030	FAD2026-2022.06			14	Lê Nguyễn Kiều Trang			7-11, E					09/01/2023	30/04/2023			2021
262.7	07	1020030	FAD2026-2022.07			14	Lê Phương Anh			7-11, E					09/01/2023	30/04/2023			2021
51		1080235	Tham vấn	CLM2214	2	30											CTXH		

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
263.1	01	1080235	CLM2214-2022.01			30	Nguyễn Hương Giang	10-12, E507							09/01/2023	14/05/2023			2021
52		1100068	Thanh nhạc 2	*VMU2003	1	10											4_SPAN		
264.1	01	1100068	*VMU2003-2022.01			0	Nguyễn Chí Công		7-8, D:11-12, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
265.2	02	1100068	*VMU2003-2022.02			0	Đàm Minh Hưng		7-8, D:11-12, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
266.3	03	1100068	*VMU2003-2022.03			0	Đào Thị Khánh Chi		7-8, D:11-12, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
267.4	04	1100068	*VMU2003-2022.04			0	Nguyễn Thị Huyền		7-8, D:11-12, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
268.5	05	1100068	*VMU2003-2022.05			0	Đặng Thị Lan		7-8, D:11-12, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
269.6	06	1100068	*VMU2003-2022.06			0	Đào Tiến Lợi		7-8, D:11-12, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
270.7	07	1100068	*VMU2003-2022.07			0	Bùi Thanh Tuyền		7-8, D:11-12, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
271.8	08	1100068	*VMU2003-2022.08			0	Trần Thị Thảo		7-8, D:11-12, D						09/01/2023	30/04/2023			2021
272.9	09	1100068	*VMU2003-2022.09			0	Phạm Bích Ngọc			7-8, D:11-12, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
273.10	10	1100068	*VMU2003-2022.10			0	Nguyễn Thu Hằng			7-8, D:11-12, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
274.11	11	1100068	*VMU2003-2022.11			0	Ngô Quốc Khánh			7-8, D:11-12, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
275.12	12	1100068	*VMU2003-2022.12			0	Trần Thị Thảo				1-2, D:5-6, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
276.13	13	1100068	*VMU2003-2022.13			0	Vũ Thị Tươi				1-2, D:5-6, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
277.14	14	1100068	*VMU2003-2022.14			0	Nguyễn Thu Hằng				1-2, D:5-6, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
278.15	15	1100068	*VMU2003-2022.15			0	Ngô Quốc Khánh				1-2, D:5-6, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
279.16	16	1100068	*VMU2003-2022.16			0	Phạm Thị Thu Trang				1-2, D:5-6, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
280.17	17	1100068	*VMU2003-2022.17			0	Nguyễn Phương Thảo				1-2, D:5-6, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
281.18	18	1100068	*VMU2003-2022.18			0	Nguyễn Thúy Hà				1-2, D:5-6, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
282.19	19	1100068	*VMU2003-2022.19			0	Đào Tiến Lợi				7-8, D:11-12, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
283.20	20	1100068	*VMU2003-2022.20			0	Nguyễn Thanh Duyên				7-8, D:11-12, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
284.21	21	1100068	*VMU2003-2022.21			0	Hoàng Quốc Tuấn				7-8, D:11-12, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
285.22	22	1100068	*VMU2003-2022.22			0	Nguyễn Thị Huyền				7-8, D:11-12, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
286.23	23	1100068	*VMU2003-2022.23			0	Bùi Thanh Tuyền				7-8, D:11-12, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
287.24	24	1100068	*VMU2003-2022.24			0	Nguyễn Thanh Duyên					7-8, D:11-12, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
288.25	25	1100068	*VMU2003-2022.25			0	Phạm Thị Thu Trang					7-8, D:11-12, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
289.26	26	1100068	*VMU2003-2022.26			0	Vũ Thanh Thủy					7-8, D:11-12, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
290.27	27	1100068	*VMU2003-2022.27			0	Nguyễn Thúy Hà					7-8, D:11-12, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
291.28	28	1100068	*VMU2003-2022.28			0	Ngân Thị Thương					7-8, D:11-12, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
292.29	29	1100068	*VMU2003-2022.29			0	Trần Tân Phương					7-8, D:11-12, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
293.30	30	1100068	*VMU2003-2022.30			0	Hà Thị Lý					7-8, D:11-12, D			09/01/2023	30/04/2023			2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
294.31	31	1100068	*VMU2003-2022.31			10	Trần Thị Thảo							13-17, D	09/01/2023	30/04/2023			2021
53		1100041	Thanh nhạc 2.2	VMU2005	1												8_TN_M4		
295.1	03	1100041	VMU2005-2022.03			0	Đỗ Hương Giang	1-5, D		7-11, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
296.2	04	1100041	VMU2005-2022.04			0	Đặng Thị Loan			7-11, D		7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
297.3	05	1100041	VMU2005-2022.05			0	Viên Thị Hường			1-5, D		1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
298.4	06	1100041	VMU2005-2022.06			0	Giáp Văn Thịnh		7-11, D				7-11, D		09/01/2023	30/04/2023			2021
299.5	07	1100041	VMU2005-2022.07			0	Đoàn Thúy Trang	1-5, D				1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
300.6	08	1100041	VMU2005-2022.08			0	Lê Thị Tinh	1-5, D		1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
301.7	09	1100041	VMU2005-2022.09			0	Lê Thị Út	1-5, D			1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
302.8	10	1100041	VMU2005-2022.10			0	Nguyễn Mai Hương	1-5, D				7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
303.9	11	1100041	VMU2005-2022.11			0	Nguyễn Thị Huyền	1-5, D				7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
304.10	12	1100041	VMU2005-2022.12			0	Trần Thị Thanh Quý			1-5, D		1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
305.11	13	1100041	VMU2005-2022.13			0	Đàm Minh Hưng		1-5, D			1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
306.12	14	1100041	VMU2005-2022.14			0	Hoàng Quốc Tuấn	1-5, D			1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
307.13	15	1100041	VMU2005-2022.15			0	Đào Tiến Lợi	1-5, D				1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
308.14	16	1100041	VMU2005-2022.16			0	Bùi Thanh Tuyền		7-11, D		1-5, D				09/01/2023	30/04/2023			2021
309.15	17	1100041	VMU2005-2022.17			0	Ngô Quốc Khánh		7-11, D			7-11, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
310.16	18	1100041	VMU2005-2022.18			0	Tạ Thị Định			7-11, D		1-5, D			09/01/2023	30/04/2023			2021
311.17	19	1100041	VMU2005-2022.19			0	Lê Thị Út				1-5, D		1-5, D		09/01/2023	30/04/2023			2021
312.18	20	1100041	VMU2005-2022.20			0	Trần Mai Tuyết	1-5, D		7-11, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
313.19	21	1100041	VMU2005-2022.21			0	Trịnh Thị Oanh	1-5, D		1-5, D					09/01/2023	30/04/2023			2021
314.20	22	1100041	VMU2005-2022.22			0	Chu Thị Hoài Phương			1-5, D			1-5, D		09/01/2023	30/04/2023			2021
54		1020023	Thực hành công nghệ may 2	FAD2012	3	98													
315.1	04	1020023	FAD2012-2022.04			14	Nguyễn Kiều Oanh			7-11, E					09/01/2023	16/04/2023			2021
316.2	05	1020023	FAD2012-2022.05			14	Vũ Mai Hiên			1-5, E					09/01/2023	16/04/2023			2021
317.3	06	1020023	FAD2012-2022.06			14	Vũ Mai Hiên			7-11, E					09/01/2023	16/04/2023			2021
318.4	07	1020023	FAD2012-2022.07			14	Ngô Thị Thùy Thu			1-5, E					09/01/2023	16/04/2023			2021
319.5	08	1020023	FAD2012-2022.08			14	Ngô Thị Thùy Thu			7-11, E					09/01/2023	16/04/2023			2021
320.6	09	1020023	FAD2012-2022.09			14	Nguyễn Bích Nhung			7-11, E					09/01/2023	16/04/2023			2021
321.7	10	1020023	FAD2012-2022.10			14	Nguyễn Bích Nhung			1-5, E					09/01/2023	16/04/2023			2021
55		1080239	Thực hành công tác xã hội cá nhân	CLM2218	3	30											CTXH		
322.1	01	1080239	CLM2218-2022.01			30	Nguyễn Thị Phương Thanh				1-3, E501				09/01/2023	14/05/2023			2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
56		1080210	Thực hành nghệ thuật trong du lịch (Âm nhạc)	CLM2134	3	40											DL		
323.1	01	1080210	CLM2134-2022.01			20	Trần Thị Thảo						1-5, D307		09/01/2023	14/05/2023			2021
324.2	02	1080210	CLM2134-2022.02			20	Phạm Thị Thu Trang			7-11, C409					09/01/2023	14/05/2023			2021
57		1020052	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phụ 2	DGI2059	3	20													
325.1	01	1020052	DGI2059-2022.01			20	Nguyễn Kiều Oanh	1-5, E							09/01/2023	16/04/2023			2021
58		1060074	Thực tập sư phạm 1	FAE2021	2	200											5*FAE2021		
326.1	01	1060074	FAE2021-2022.01			200	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	06/03/2023	26/03/2023			2021
59		1070121	Thực tập sư phạm 1	MUS2046	2	300											ĐH SP		
327.1	01	1070121	MUS2046-2022.01			300	Hoàng Thị Dung							7-11, TTSP	06/03/2023	26/03/2023			2021
60		1080048	Thực tập tốt nghiệp	CLM2049	3	20											8_QLVH_M5		
328.1	02	1080048	CLM2049-2022.02			20	Ng.Thuý Hường							1-5, TTTN	06/02/2023	19/03/2023			2021
61		1060060	Thực tế CM 2	FAE2042	3	10											FAE2041		
329.1	01	1060060	FAE2042-2022.01			10	Lê Thị Kim Liên							7-11, TTCM	12/06/2023	25/06/2023			2021
62		1040015	Tiếng Anh chuyên ngành (DVK)	CFL2010	2	60											3* DVK		
330.1	02	1040015	CFL2010-2022.02			60							4-6, E403		09/01/2023	02/04/2023			2021
63		1040007	Tiếng Anh chuyên ngành (TKDH)	CFL2004	2	150											3* 7_TKDH_M4		
331.1	04	1040007	CFL2004-2022.04			50			7-9, E403						09/01/2023	02/04/2023			2021
332.2	05	1040007	CFL2004-2022.05			50			10-12, E403						09/01/2023	02/04/2023			2021
333.3	06	1040007	CFL2004-2022.06			50						4-6, E507			09/01/2023	02/04/2023			2021
64		1080110	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 3	CLM2072	3	60													
334.1	01	1080110	CLM2072-2022.01			30	Nguyễn Thùy Dương				7-11, NA401		7-11, NA501		09/01/2023	14/05/2023			2021
335.2	02	1080110	CLM2072-2022.02			30	Nguyễn Thùy Dương	7-11, NA401		7-11, NA401					09/01/2023	14/05/2023			2021
65		1070033	Tin học chuyên ngành	MUS2001	2	315											MUS2001		
336.1	01	1070033	MUS2001-2022.01			35	Bá Sán	1-5, E402							09/01/2023	16/04/2023			2021
337.2	02	1070033	MUS2001-2022.02			35	Nguyễn Khải	7-11, E402							09/01/2023	16/04/2023			2021
338.3	03	1070033	MUS2001-2022.03			35	Nguyễn Khải		1-5, E402						09/01/2023	16/04/2023			2021
339.4	04	1070033	MUS2001-2022.04			35	Nguyễn Khải		7-11, E402						09/01/2023	16/04/2023			2021
340.5	05	1070033	MUS2001-2022.05			35	Bá Sán			1-5, E402					09/01/2023	16/04/2023			2021
341.6	06	1070033	MUS2001-2022.06			35	Nguyễn Khải			7-11, E402					09/01/2023	16/04/2023			2021
342.7	07	1070033	MUS2001-2022.07			35	Lương Minh Tân				1-5, E402				09/01/2023	16/04/2023			2021
343.8	08	1070033	MUS2001-2022.08			35	Nguyễn Khải				7-11, E402				09/01/2023	16/04/2023			2021
344.9	10	1070033	MUS2001-2022.10			35	Nguyễn Khải					7-11, E402			09/01/2023	16/04/2023			2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
66		1170058	Tin học chuyên ngành 1	GRD2050	3	150											2017		
345.1	01	1170058	GRD2050-2022.01			15	Lê Huy Thục	1-5, E406		1-5, E406					09/01/2023	12/03/2023			2021
346.2	02	1170058	GRD2050-2022.02			15	Nguyễn Xuân Giáp	1-5, E406		1-5, E406					09/01/2023	12/03/2023			2021
347.3	03	1170058	GRD2050-2022.03			15	Yến Văn Hòa	1-5, E406		1-5, E406					09/01/2023	12/03/2023			2021
348.4	04	1170058	GRD2050-2022.04			15	Nguyễn Duy Hùng	7-11, E406		7-11, E406					09/01/2023	12/03/2023			2021
349.5	05	1170058	GRD2050-2022.05			15	Tổng Việt Anh	7-11, E406		7-11, E406					09/01/2023	12/03/2023			2021
350.6	06	1170058	GRD2050-2022.06			15	Nguyễn Xuân Giáp	7-11, E406		7-11, E406					09/01/2023	12/03/2023			2021
351.7	07	1170058	GRD2050-2022.07			15	Lê Huy Thục	7-11, E406		7-11, E406					09/01/2023	12/03/2023			2021
352.8	08	1170058	GRD2050-2022.08			15	Lê Huy Thục				1-5, E406		1-5, E406		09/01/2023	12/03/2023			2021
353.9	09	1170058	GRD2050-2022.09			15	Nguyễn Xuân Giáp				1-5, E406		1-5, E406		09/01/2023	12/03/2023			2021
354.10	10	1170058	GRD2050-2022.10			15	Yến Văn Hòa				1-5, E406		1-5, E406		09/01/2023	12/03/2023			2021
67		1080178	Tin ngưỡng và Tôn giáo ở Việt Nam	CLM2102	2	50											DL		
355.1	01	1080178	CLM2102-2022.01			50	Hoàng Công Dụng			4-6, E503					09/01/2023	14/05/2023			2021
68		1080198	Tổ chức hướng dẫn du lịch 2	CLM2122	3	50											DL		
356.1	01	1080198	CLM2122-2022.01			50	Nguyễn Thị Thùy Linh					7-9, E503			09/01/2023	14/05/2023			2021
69		1070056	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc	MUS2084	2	70											2019		
357.1	10	1070056	MUS2084-2022.10			35	Nguyễn Thị Lệ Huyền						7-11, D		09/01/2023	07/05/2023			2021
358.2	11	1070056	MUS2084-2022.11			35	Trần Vĩnh Khương						1-5, D		09/01/2023	07/05/2023			2021
70		1020027	Trang trí chuyên ngành 1	FAD2022	2	98													
359.1	01	1020027	FAD2022-2022.01			14	Vũ Thanh Nghị	7-8, B:11-12, B	7-8, B:11-12, B						30/01/2023	30/04/2023			2021
360.2	02	1020027	FAD2022-2022.02			14	Lê Thị Lan	7-8, B:11-12, B	7-8, B:11-12, B						30/01/2023	30/04/2023			2021
361.3	03	1020027	FAD2022-2022.03			14	Ngô Thị Thu Hà	7-8, B:11-12, B	7-8, B:11-12, B						30/01/2023	30/04/2023			2021
362.4	04	1020027	FAD2022-2022.04			14	Lê Mai Trinh	7-8, B:11-12, B	7-8, B:11-12, B						30/01/2023	30/04/2023			2021
363.5	05	1020027	FAD2022-2022.05			14	Trương Tuấn Anh				7-8, B:11-12, B	7-8, B:11-12, B			30/01/2023	30/04/2023			2021
364.6	06	1020027	FAD2022-2022.06			14	Ngô Thị Thu Hà				7-8, B:11-12, B	7-8, B:11-12, B			30/01/2023	30/04/2023			2021
365.7	07	1020027	FAD2022-2022.07			14	Ngô Văn Sơn				7-8, B:11-12, B	7-8, B:11-12, B			30/01/2023	30/04/2023			2021
71		1130003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL2003	2	810											3* 3_mon_chung_M1		
366.1	01	1130003	POL2003-2022.01			45	Mai Thanh Hồng	1-3, E305							09/01/2023	02/04/2023			2021
367.2	02	1130003	POL2003-2022.02			45	Mai Thanh Hồng	4-6, E305							09/01/2023	02/04/2023			2021
368.3	03	1130003	POL2003-2022.03			45	Mai Thanh Hồng		1-3, E305						09/01/2023	02/04/2023			2021
369.4	04	1130003	POL2003-2022.04			45	Mai Thanh Hồng		4-6, E305						09/01/2023	02/04/2023			2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
370.5	05	1130003	POL2003-2022.05			45	Mai Thanh Hồng			1-3, E305					09/01/2023	02/04/2023			2021
371.6	06	1130003	POL2003-2022.06			45	Mai Thanh Hồng			4-6, E305					09/01/2023	02/04/2023			2021
372.7	07	1130003	POL2003-2022.07			45	Phạm Ngọc Anh				1-3, E101				09/01/2023	02/04/2023			2021
373.8	08	1130003	POL2003-2022.08			45	Phạm Ngọc Anh				4-6, E101				09/01/2023	02/04/2023			2021
374.9	09	1130003	POL2003-2022.09			45	Bùi Thọ Quang						1-3, E101		09/01/2023	02/04/2023			2021
375.10	10	1130003	POL2003-2022.10			45	Bùi Thọ Quang						4-6, E101		09/01/2023	02/04/2023			2021
376.11	11	1130003	POL2003-2022.11			45	Bùi Thọ Quang						7-9, E101		09/01/2023	02/04/2023			2021
377.12	12	1130003	POL2003-2022.12			45	Bùi Thọ Quang						10-12, E101		09/01/2023	02/04/2023			2021
378.13	13	1130003	POL2003-2022.13			45	Phạm Xuân Thu						1-3, E507		09/01/2023	02/04/2023			2021
379.14	14	1130003	POL2003-2022.14			45	Phạm Xuân Thu						4-6, E507		09/01/2023	02/04/2023			2021
380.15	15	1130003	POL2003-2022.15			45	Phạm Xuân Thu						7-9, E507		09/01/2023	02/04/2023			2021
381.16	16	1130003	POL2003-2022.16			45	Phạm Xuân Thu						10-12, E507		09/01/2023	02/04/2023			2021
382.17	17	1130003	POL2003-2022.17			45	Phạm Xuân Thu					1-3, E101			09/01/2023	02/04/2023			2021
383.18	18	1130003	POL2003-2022.18			45	Phạm Xuân Thu					4-6, E101			09/01/2023	02/04/2023			2021
72		1080029	Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa	CLM2030	2	80											2_QLVH_M4		
384.1	01	1080029	CLM2030-2022.01			80	Nguyễn Thị Phương Thanh	4-6, E501							09/01/2023	14/05/2023			2021
73		1080019	Văn hóa dân gian Việt Nam	CLM2016	2	80											4_QLVH_M3_TC		
385.1	01	1080019	CLM2016-2022.01			80	Tráng Thị Thuý					4-6, E503			09/01/2023	14/05/2023			2021
74		1020043	Vật liệu may & Sáng tác mẫu vải	FAD2057	2	98													
386.1	01	1020043	FAD2057-2022.01			14	Nguyễn Hải Hà			1-5, E					09/01/2023	02/04/2023			2021
387.2	02	1020043	FAD2057-2022.02			14	Lê Phương Anh			1-5, E					09/01/2023	02/04/2023			2021
388.3	03	1020043	FAD2057-2022.03			14	Bùi Thị Nam			1-5, E					09/01/2023	02/04/2023			2021
389.4	04	1020043	FAD2057-2022.04			14	Nguyễn Hải Hà	1-5, E							09/01/2023	02/04/2023			2021
390.5	05	1020043	FAD2057-2022.05			14	Lê Phương Anh	1-5, E							09/01/2023	02/04/2023			2021
391.6	06	1020043	FAD2057-2022.06			14	Bùi Thị Nam	1-5, E							09/01/2023	02/04/2023			2021
392.7	07	1020043	FAD2057-2022.07			14	Ngô Thị Thu Hà	1-5, E							09/01/2023	02/04/2023			2021
75		1080118	Võ thuật điện ảnh	CLM2087	2	60													
393.1	01	1080118	CLM2087-2022.01			30	Phạm Ngọc Dũng			1-5, NA501					09/01/2023	14/05/2023			2021
394.2	02	1080118	CLM2087-2022.02			30	Phạm Ngọc Dũng							1-5, NA401	09/01/2023	14/05/2023			2021

Người lập

